

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 02 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Năm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Chánh**.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà **Trần Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 667/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2021/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai V**, sinh năm 1987.

Địa chỉ : Tổ 11, Khu phố , Phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ : Tổ 6, Khu phố , Phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Mai V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng bà đã nhiều lần tìm hướng giải quyết nhưng không được nên đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/09/2011.

Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu B. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông T phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V. Cho bà V được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/09/2011.

Giao cháu B cho bà V trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà V không yêu cầu.

Về tài sản chung : Bà V trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung : Bà V trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà V khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Duy T hiện đang cư trú tại : Tổ 6, Khu phố , Phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T đầy đủ. Tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011 tại UBND phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện : Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông T có xảy ra hay không thì địa phương không nắm rõ. Tuy

nhien, bà V và con chung với ông bà không còn sinh sống tại địa phương. Hiện ông T và bà V không còn chung sống ở địa phương.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai người có điều kiện hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T không đến. Qua đó cho thấy bà V và ông T không còn tình cảm với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho họ được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà V, cho bà V được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/09/2011.

Khi ly hôn, bà V xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu B. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Do đó, giao cháu B cho bà V trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, do ông T vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu về phần tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn bà Mai V.

Bà **Mai V** được ly hôn với ông **Nguyễn Duy T**.

2. Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/09/2011.

Giao cháu B cho bà V trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo phiếu thu số 0000617 ngày 25/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà V đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS TP Biên Hòa, ĐN.
- UBND nơi cấp GCNKH.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Năm